

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 211, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 823/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Bến Tre.

- Bà Vương Quỳnh D, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 160/39, Khu phố 1, đường F, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp; do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy, tình cảm giữa ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D xác nhận không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung : Ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D xác nhận không có;

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Phú Yên ngày 23/01/2017)

- Về quan hệ con chung: Không có;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

**3.** Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Nhật T và bà Vương Quỳnh D chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0042116 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông T và bà D đã nộp đủ lệ phí.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Sang).

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuần Phong**